

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/DS-ST

Ngày: 19 - 11 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2021/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NNNT

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dục, khu đô thị Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Trần Nhật L- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn chi nhánh huyện GR, tỉnh KG II

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trịnh Hoàng G, sinh năm 1978 – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Agribank chi nhánh huyện GR (Theo giấy uỷ quyền ngày 03/12/2020 có mặt).

Địa chỉ: KP, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1971 (vắng mặt);

2. Bà Quách Kim Ph, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VTN, xã NC, huyện GR, tỉnh KG.

2/ Ông Nguyễn Quốc Thủy, sinh năm 1980 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trịnh Hoàng G đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:
 Ngày 02/4/2019, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam ký hợp đồng tín dụng số: 7705-LAV201901055 với ông Nguyễn Văn Ng và bà Quách Kim Ph, số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); mục đích vay xây dựng nhà ở; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất 11%, hạn trả ngày 28/3/2024. Tài sản thế chấp thửa 356, 358, 344, 165; tờ bản đồ số 25 diện tích đất 29.284m²; loại đất 2 lúa + vườn + thổ cư; tọa lạc tại Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG. Do ông Nguyễn Văn Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: D0800937, P822012, số vào sổ: A035153, NDC000598 cơ quan cấp: UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995 và ngày 19/7/2000.

Trong quá trình vay vốn ông Ng, bà Ph không trả nợ theo cam kết, đến khi Ngân hàng khởi kiện thì ông Ngoan trả được 24.650.000 đồng, thì ngưng không trả nợ gốc cũng như đóng lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Ông Ng, bà Ph đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ng, bà Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay được tính cụ thể như sau: Nợ gốc là 475.350.000 đồng; lãi trong hạn là 53.577.805 đồng; lãi quá hạn: 24.640.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 553.567.866 đồng. Trường hợp ông Ng, bà Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của hợp đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 08/12/2020 ông Nguyễn Văn Ng bị đơn trình bày: Ông thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 500.000.000 đồng. Trong thời gian vay ông có chậm trễ việc trả nợ và đóng lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả nợ gốc và lãi, ông không có khả năng trả nên ông xin được dân cho Ngân hàng theo hợp đồng.

Bà Quách Kim Ph vợ ông Ng cùng là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà Phúc vắng mặt không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này, nếu sau này giữa bà và ông Ng

có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Đồng thời đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt bà tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 10/6/2021 của ông Nguyễn Quốc Thngười có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Vào khoảng tháng 3/2019, ông có cổ một phần đất của ông Nguyễn Văn Ng thuộc thửa số 365, tờ bản đồ số 25 tại ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG với số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng), thời hạn thoả thuận là 03 năm, ông được biết Toà án thông báo ông là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì ông Ngoan đã thế chấp phần đất trên tại Ngân hàng nông nghiệp huyện GR và không có khả năng thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện. Về việc tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Ng, ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Nếu giữa ông và ông Ngoan không thoả thuận được ông sẽ khởi kiện ông Ngoan thành vụ kiện khác.

Tại phiên toà ông Trịnh Hoàng G đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 24.650.000 đồng, do trong thời gian Ngân hàng khởi kiện ông Ngoan có trả cho Ngân hàng số tiền trên, nay ông Ng, bà Ph còn nợ số tiền gốc là: Nợ gốc là 475.350.000 đồng; lãi trong hạn là 53.577.805 đồng; lãi quá hạn: 24.640.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 553.567.866 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt số nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph đã được Toà án tổng đạt văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ, nhưng vắng mặt; bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Quốc Thcó đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên toà đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 24.650.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn. Xét Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu ông Ng, bà Ph phải trả số tiền nợ gốc là 475.350.000 đồng; lãi trong hạn là 53.577.805 đồng; lãi quá hạn: 24.640.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 553.567.866 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ. Xét thấy ông Ng, bà Ph có ký kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng và ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo thoả thuận, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ngoan bà Phúc phải trả nợ theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ, nếu ông

Ngoan bà Phúc không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi nợ thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hai bên đã ký là có căn cứ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Th, bà Nguyễn Thị N có đơn vắng mặt và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N ông Nguyễn Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Ng, bà Ph vắng mặt, ông Thuỷ, bà Nhị có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Trong quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương được biết phần đất bị đơn đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn đã chuyển nhượng một phần cho bà Nhị với giá 300.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên. Đồng thời, ông Ng có phần đất thế chấp trên cho ông Nguyễn Quốc Th trực tiếp canh tác, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án đã tiến hành đưa ông Nguyễn Quốc Th, bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thông báo cho ông Th, bà Nhị biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông Th, bà Nhị không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án này và đề nghị vắng mặt, nếu sau này không thỏa thuận được với ông Ngoan, ông Th, bà Nhị sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 7705-LAV201901055, ngày 02/4/2019, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph có địa chỉ nơi cư trú tại Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu ông Ng, bà Phphải trả tiền nợ gốc là 475.350.000 đồng. Hội đồng xét xử xét căn cứ vào hợp đồng cấp tín dụng hợp đồng tín dụng số 7705-LAV201901055, ngày 02/4/2019; hợp đồng thế chấp tài sản số 7705-LCL201900804, ngày 02/4/2019, thể hiện ông Ng, bà Phđã vay và nhận đủ số tiền vay số tiền 500.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng vay vốn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự và thực hiện đúng với các quy định của pháp luật về ký kết hợp đồng cấp tín dụng nên Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa các bên là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ng, bà Phđã trả cho cho Ngân hàng số tiền 24.650.000 đồng, thì ngưng không trả gốc và lãi, ông Ng, bà Phvi phạm nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại theo hợp đồng, mặc dù Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ng, bà Phkhông thực hiện trả nợ. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ng, bà Phtrả còn lại nợ gốc là 475.350.000.000 đồng và lãi là có căn cứ.

[4] Xét trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp tài sản số 7705-LCL201900804, ngày 02/4/2019 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với ông Ng, bà Phcam kết trường hợp không trả nợ hoặc trả không đủ thì bên nhận thế chấp là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là thửa 356, 358, 344, 165; tờ bản đồ số 25 diện tích đất 29.284m²; loại đất 2 lúa + vườn + thổ cư; toạ lạc tại Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG. Do ông Nguyễn Văn Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: D0800937, P822012, số

vào sổ: A035153, NDC000598 cơ quan cấp: UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995 và ngày 19/7/2000, để thu hồi nợ theo quy định.

[6] Xét thấy ông Ng, bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Từ ngày 11/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/11/2021 ông Ng, bà Ph chưa trả nợ gốc còn lại cũng như trả lãi theo hợp đồng thỏa thuận. Theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã thông báo nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên buộc ông Ng, bà Ph phải trả nợ gốc và lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện số tiền 24.650.000 đồng.

Từ những nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận và chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam buộc ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc là 475.350.000 đồng; lãi trong hạn là 53.577.805 đồng; lãi quá hạn: 24.640.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 553.567.866 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 1 Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Trường hợp ông Ng, bà Ph trả hết tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp là thửa 356, 358, 344, 165; tờ bản đồ số 25 diện tích đất 29.284m²; loại đất 2 lúa + vườn + thổ cư; tọa lạc tại Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG. Do ông Nguyễn Văn Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: D0800937, P822012, sổ vào sổ: A035153, NDC000598 cơ quan cấp: UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995 và ngày 19/7/2000, cho ông Ngoan, bà Phúc.

Trường hợp ông Ng, bà Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là thửa 356, 358, 344, 165; tờ bản đồ số 25 diện tích đất 29.284m²; loại đất 2 lúa + vườn + thổ cư; tọa lạc tại Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG. Do ông Nguyễn Văn Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: D0800937, P822012, sổ vào sổ:

A035153, NDC000598 cơ quan cấp: UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995 và ngày 19/7/2000, của ông Ng, bà Phế thu hồi nợ.

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.892.000 đồng (Mười hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng), do ông Trịnh Hoàng G nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005626 ngày 03/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Ng, bà Phế phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch số tiền 553.567.866 đồng là: $20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 153.567.866 \text{ đồng}) = 26.142.714 \text{ đồng}$ (Hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm mười bốn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463; Điều 466 và Điều 468; Điều 466; Điều 357; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91; Điều 95 và khoản 3 Điều 98 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NNNT Buộc ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 475.350.000 đồng; lãi trong hạn là 53.577.805 đồng; lãi quá hạn: 24.640.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 553.567.866 đồng (năm trăm năm mươi ba triệu đồng, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông Ng, bà Ph còn phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng. Trường hợp tại hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà ông Ng, bà Ph phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Ng, bà Ph trả hết tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp là thửa 356, 358, 344, 165; tờ bản đồ số 25 diện tích đất 29.284m²; loại đất 2 lúa + vườn + thổ cư; tọa lạc tại Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG. Do ông Nguyễn Văn Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: D0800937, P822012, số vào sổ: A035153, NDC000598 cơ quan cấp: UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995 và ngày 19/7/2000, cho ông Ng, bà Ph.

Trường hợp ông Ng, bà Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là thửa 356, 358, 344, 165; tờ bản đồ số 25 diện tích đất 29.284m²; loại đất 2 lúa + vườn + thổ cư; tọa lạc tại Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG. Do ông Nguyễn Văn Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: D0800937, P822012, số vào sổ: A035153, NDC000598 cơ quan cấp: UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995 và ngày 19/7/2000, của ông Ng, bà Ph để thu hồi nợ.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph phải chịu án phí là 26.142.714 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm mười bốn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.892.000 đồng (Mười hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng), do ông Trịnh Hoàng G nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005626 ngày 03/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn Ng, bà Quách Kim Ph, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Quốc Th vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- CCTHADS huyện GR;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên